

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/DS - PT  
Ngày: 18 - 11 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng gia công  
và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thu Lan

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Túc

Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:** Bà Nguyễn Thị Kim Quý - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 tháng 9, ngày 13 và ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng gia công và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2024/QĐ-PT ngày 07/8/2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 618/TB-TA ngày 18/10/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Dương Minh C - sinh năm 1965; cư trú tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH C1.

Địa chỉ trụ sở: Lô F, khu công nghiệp Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**Người đại diện theo pháp luật:** Bà Nguyễn Thị Thu D - Giám đốc.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Phan Thanh H - sinh năm 1986; cư trú tại số A đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và ông Nguyễn Đức N - sinh năm 1957; cư trú tại số A đường H, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2024).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1983; cư trú tại xóm E, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Ông Trần Văn Q - sinh năm 1984; cư trú tại thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Ngô Thị Bích T1 - sinh năm 1981 và ông Yin Minh T2 - sinh năm 1980; cùng cư trú tại số nhà B đường Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà Phạm Thị Thanh M - sinh năm 1966; cư trú tại số nhà G đường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

5. Ông Trần Văn T3 - sinh năm 1981; cư trú tại xóm T, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo*: Công ty TNHH C1 là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2018, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Dương Minh C trình bày:*

Ông là chủ doanh nghiệp tư nhân C2 kinh doanh thu mua, chế biến thủy hải sản. Năm 2018, ông có nhận đặt hàng của khách ở Thành phố Hồ Chí Minh một số lượng lớn mực cấp đông thành phẩm nên ông cần tìm Công ty chuyên chế biến thủy sản. Qua một người bạn giới thiệu, ông được biết Công ty TNHH C1 (viết tắt là Công ty C1) chuyên thu mua, gia công mực xà nên ông gọi điện thoại vào Công ty C1 (cụ thể là gọi trực tiếp cho bà D) để bàn bạc về việc mua 01 container mực xà với khối lượng 30 tấn thành phẩm từ 10up (tức chiều dài của mực thành phẩm từ 10cm trở lên) với giá 24.500 đồng/kg, được bà D thống nhất bằng lời nói; bà D yêu cầu ông đặt cọc để làm hàng nên ông có đặt cọc 200.000.000 đồng vào ngày 15/9/2018 để bà D mua hàng; khi nào làm xong 30 tấn thì ông sẽ vào lấy hàng và thanh toán số tiền còn lại. Bà D hẹn sau 15 ngày sẽ có đầy đủ hàng giao cho ông. Ngày hôm sau, ông cho anh Nguyễn Văn T và anh Trần Văn Q là nhân viên của ông vào Công ty C1 để kiểm hàng. Anh T, anh Q vào làm được khoảng 7 - 8 ngày thì Công ty C1 mới làm được khoảng 844 thùng (tương ứng khoảng 7.174 kg). Anh Q, anh T gọi điện báo cho ông biết là Công ty C1 làm không đáp ứng yêu cầu về tiến độ. Ông gọi điện thoại làm việc lại với bà D thì bà D bảo không tìm được nguồn hàng; ông nói với bà D sẽ mua hàng (mực) bổ sung để giao cho bà D gia công làm cho kịp tiến độ để ông giao hàng cho khách; bà D đồng ý thỏa thuận gia công với giá 3.500 đồng/kg. Sau đó, ông liên hệ mua hàng của bà Phạm Thị Thanh M ở Quảng Bình với số lượng 18.200,9kg và bà M chở hàng vào Công ty C1 để anh T cân, kiểm đếm hàng và giao cho Công ty C1 gia công với khối lượng 18.691,5 kg mực xà. Ông mua mực của bà M với số tiền 383.300.000 đồng và đã thanh toán chuyển khoản cho chồng của bà M là ông Trần Viết T4 vào ngày 21/9/2018. Bà M giao hàng tại kho của Công ty C1, sau đó bỏ mực vào khay, đưa vào kho cấp đông; cấp đông xong thì đem ra bỏ vào hộp; anh T và anh Trần Văn T3 (quản đốc của Công ty C1) kiểm đếm được 2.199 thùng mực xà rồi giao cho anh T3 đưa vào kho bảo quản. Khi giao hàng, hai bên không lập biên bản giao nhận hàng mà phần người nào thì người đó tự ghi sổ, lập phiếu theo dõi, hai bên tự đối chiếu với nhau.

Ngày 06/10/2018, ông gọi cho anh T báo ngày 08/10/2018, ông sẽ vào nhận hàng. Anh T gọi cho anh T3 thông báo ngày 08/10/2018 sẽ lấy hàng; anh T3 yêu cầu anh T ký phiếu nhập kho để xuất hàng. Do anh T có việc về quê ở Hà Tĩnh nên anh T nhờ ông Yin Minh T2 vào phòng anh T (ở tạm khi làm hàng ở Công ty C1) để lấy sổ mà anh T và anh T3 đã chốt số lượng mực với nhau trước đó để đối chiếu; sau khi đối chiếu sổ hai bên thấy khớp số lượng mực nên ông T2 ký phiếu chốt sổ để có cơ sở cho Công ty C1 tính tiền gia công.

Ngày 08/10/2018, ông thuê xe container từ Thanh Hóa vào Công ty C1 để nhận hàng, thanh toán tiền thì Công ty C1 không cho xuất hàng vì cho rằng ông T2 là người ký phiếu chốt sổ để tính tiền gia công chứ không phải ông nên bà D không cho nhận hàng. Bà D cũng không cho ông Yin Minh T2, bà Ngô Thị Bích T1 nhận hàng vì cho rằng ông T2, bà T1 còn nợ bà D gần 1.000.000.000 đồng tiền hàng chưa thanh toán. Bà D chỉ đồng ý giao cho ông số lượng hàng trị giá 200.000.000 đồng mà ông đã đặt cọc trước đó. Ngày 12/10/2018, bà D đồng ý xuất cho ông 9 thùng (8,6kg/thùng x 24.000 đồng/kg x 970 thùng), tương ứng với số tiền 200.000.000 đồng đặt cọc, còn số lượng hàng 2.199 thùng mực gia công còn lại, bà D không cho ông nhận.

Việc bà D cho rằng số hàng trên là của ông T2, bà T1 vì ông T2 ký vào sổ nhập hàng nên không cho ông nhận hàng là không có cơ sở vì chính ông T2, bà T1 thừa nhận số hàng này là của ông. Việc ông T2, bà T1 có nợ tiền Công ty C1 hay không hoặc như thế nào thì ông không biết; bà D ngăn chặn không cho ông nhận hàng gây thiệt hại về tiền bạc, công sức cũng như uy tín của ông.

Nay, ông yêu cầu Công ty C1 phải trả toàn bộ số hàng mực gia công 18.691,5kg mực (2.199 thùng), trị giá 383.300.000 đồng; bồi thường thiệt hại do vi phạm thỏa thuận gia công với số tiền 560.745.000 đồng (2.199 thùng x 8,5kg/thùng x 30.000 đồng/kg) + bồi thường tiền thuê xe container từ Thanh Hóa vào Quảng Ngãi là 20.000.000 đồng + chi phí đi lại của ông là 30.000.000 đồng; tổng cộng 610.745.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông xác định hiện số mực 18.691,5kg không còn nên ông yêu cầu Công ty C1 phải trả cho ông số tiền 383.300.000 đồng, tương đương số lượng mực mà ông đã mua của bà Phạm Thị Thanh M; ông rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 610.745.000 đồng.

*\* Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bị đơn là Công ty TNHH C1 do bà Nguyễn Thị Thu D là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Bà và ông Dương Minh C có quen biết thông qua bà Ngô Thị Bích T1 giới thiệu. Bà T1 và ông Yin Minh T2 không phải là nhân viên của Công ty C1 mà là người môi giới mua hàng và gia công thủy sản. Ông T2, bà T1 có ăn ở tại Công ty C1 khoảng 03 tháng, từ tháng 6 đến tháng 9/2018, sau đó đi đâu không rõ. Thông qua bà T1, tháng 9/2018 ông C có đặt mua 970 thùng mực size 10 x 15. Ông C có chuyển khoản cho bà số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, Công ty đã giao hàng xong 970 thùng mực cho ông C. Về số hàng 2.199 thùng mực (mỗi thùng 8,5kg) là của ông Yin Minh T2, bà Ngô Thị Bích T1 ký gửi tại Công ty

C1 để cấp đông theo phiếu nhập kho ngày 18/9/2018 đứng tên ông T2. Bà và ông C không có việc thỏa thuận nhận gia công mực xà như ông C trình bày. Số hàng này ông T2, bà T1 mang đến nhờ anh Trần Văn T3, quản đốc của Công ty C1 gia công, cấp đông. Khi ông C đến yêu cầu xuất hàng đi, bà không đồng ý vì chứng từ giấy tờ nhập kho đứng tên ông T2; bà cũng không cho ông T2, bà T1 nhận hàng vì tại thời điểm này ông T2, bà T1 còn nợ Công ty C1 số tiền hàng 960.497.000 đồng do mua hàng cho bà T5 ở Quảng Ninh chưa trả cho bà. Hiện nay, bà chưa có ý định khởi kiện ông T2, bà T1.

Công ty C1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C vì 2.199 thùng mực không phải của ông C.

*\* Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Yin Minh T2, bà Ngô Thị Bích T1 cùng trình bày:*

Khoảng tháng 6/2018, qua giới thiệu ông, bà làm môi giới, giới thiệu khách hàng cho Công ty C1 đến khoảng tháng 9,10/2018 ông, bà không làm môi giới cho Công ty C1 nữa vì Công ty C1 làm ăn không uy tín. Ông, bà dẫn mỗi khách đến giao hàng thì hàng đạt chất lượng, nhưng trong thời gian lưu kho thì Công ty C1 trộn lẫn hàng kém chất lượng vào; sau đó, khi xuất hàng đi thì hàng không đảm bảo chất lượng như khi nhập vào. Ông Dương Minh C là một trong những chủ hàng là khách do ông, bà môi giới cho Công ty C1.

Ngày 17/9/2018, ông T và ông Q (nhân viên của ông Dương Minh C) đến Công ty C1 có gặp ông, bà và thuê ông, bà làm nhiệm vụ giám sát hàng (mực xà) về chất lượng, số lượng, khối lượng của ông C gửi vào Công ty C1. Số lượng hàng mà ông C gửi vào kho của Công ty C1 nhờ gia công là 2.199 thùng mực xà với khối lượng 18.691,5 kg.

Số lượng mực này của ông Dương Minh C chứ không phải của ông, bà. Việc bà D nói ông, bà nợ Công ty C1 số tiền 960.497.000 đồng là không đúng. Ông, bà hoàn toàn không có quan hệ mua bán, chỉ là người môi giới dẫn khách hàng gửi hàng ở Công ty C1 để nhận tiền hoa hồng nên không thể nợ tiền Công ty C1. Lý do ông T2 ký vào phiếu nhập kho 18/9/2018 là vì lúc đó, ông Trần Văn T3 yêu cầu ông T vào ký phiếu nhập kho để Công ty C1 tính tiền công gia công. Do ông T có việc ở quê, không vào được nên ông T có nhờ ông vào phòng lấy sổ của ông T ra đối chiếu sổ sách của ông T3. Sau khi đối chiếu xong, khớp với số lượng hàng hóa nhập kho hai bên theo dõi thì ông T3 bảo ông ký vào phiếu nhập kho nên ông ký. Bà D cho rằng phiếu nhập kho do ông ký nên không cho ông C nhận hàng, nhưng thực tế đây là hàng của ông C.

Về số tiền bà D cho rằng ông, bà nợ Công ty C1 là hàng của bà T5 ở H do ông, bà dắt mối cho Công ty C1; bà là người ký vào giấy nhận hàng cho bà T5 để Công ty C1 giao hàng cho bà T5; sau đó, bà T5 đã chuyển khoản trả hết số tiền nêu trên cho Công ty C1.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T3 trình bày:*

Ông không biết ông Dương Minh C là ai; ông hoàn toàn chưa bao giờ liên hệ hay gặp mặt ông C; ông có biết ông Nguyễn Văn T trước đó vài năm khi ông

T làm ở Công ty khác và có đến Công ty C1 cân hàng. Tháng 9/2018, ông T có vào Công ty C1 làm hàng (kiểm đếm, kiểm soát chất lượng hàng), ông thấy ông T làm việc dưới sự chỉ đạo của ông Yin Minh T2, bà Ngô Thị Bích T1. Ông có biết ông T2, bà T1 thông qua việc vào khoảng đầu năm 2018 dương lịch, ông T2 và bà T1 có mua hàng cá, mực của Công ty C1; ông T2, bà T1 chưa bao giờ mua hàng đem đến Công ty C1 gia công; Công ty C1 nhận gia công lô hàng hiện đang tranh chấp là lô hàng đầu tiên.

Khoảng ngày 16/9/2018, bà T1 nói với ông là em có mười mấy tấn hàng, nhờ anh cấp đông cho em; ông có thấy ông Nguyễn Văn T ở đó làm lô hàng này, ông không rõ ông T làm cho ai nhưng thấy ông T2, bà T1 chỉ đạo ông T. Số hàng 2.199 thùng với khối lượng 18.691,5 kg mực xà đúng như số lượng ông C khởi kiện. Sau khi nhập hàng và cấp đông, đến ngày 18/9/2018 ông viết phiếu nhập kho cho ông T2, bà T1; ông T2, bà T1 ký phiếu nhập kho. Toàn bộ số hàng này khi nhập kho bảo quản đều ghi ký hiệu thùng của ông T2, bà T1. Do đó, việc ông C khởi kiện là không có cơ sở.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T và ông Trần Văn Q: Thống nhất như nội dung nguyên đơn trình bày.*

\* *Bản án số 13/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xử:*

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dương Minh C về việc yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH C1 phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền 610.745.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh C. Buộc Công ty TNHH C1 phải trả cho ông Dương Minh C số tiền 383.300.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 04/4/2024, Công ty TNHH C1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q để xét xử lại theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty C1 đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh C.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, riêng bà Phạm Thị Thanh M đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bà Nguyễn Thị Thu D là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH C1 vi phạm nội quy phiên tòa theo quy định tại Điều 234 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015, đã được Hội đồng xét xử lập biên bản vi phạm nội quy phiên tòa lưu hồ sơ vụ án là phù hợp.

Đơn kháng cáo của Công ty TNHH C1 đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH C1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Công ty TNHH C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 15/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử vụ án nêu trên. Tại phiên tòa, đại diện Công ty TNHH C1 (viết tắt là Công ty C1) vắng mặt. Ngày 22/3/2024, Công ty C1 nhận được bản án. Ngày 04/4/2024, Công ty C1 có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận xem xét.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Bích T1, ông Yin Minh T2 có đơn xin vắng mặt; bà Phạm Thị Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty C1 (do bà Nguyễn Thị Thu D là người đại diện theo pháp luật) thừa nhận vào ngày 18/9/2018, Công ty C1 có nhận gia công, cấp đông số lượng mực xà 2.199 thùng x 8,5kg tương đương 18.691,5 kg nhưng bà D cho rằng số hàng này là của ông Yin Minh T2, bà Ngô Thị Bích T1 đem đến Công ty C1 nhờ ông Trần Văn T3 là Quản đốc Công ty C1 gia công, cấp đông vì theo Phiếu nhập kho ngày 18/9/2018 lưu tại Công ty C1 thể hiện ông Yin Minh T2, bà Ngô Thị Bích T1 là người ký nhập hàng, chứ không phải ông Dương Minh C.

[2.2] Ông Dương Minh C cho rằng giữa ông với Công ty C1 có thỏa thuận bằng lời nói thông qua hình thức điện thoại trực tiếp với bà Nguyễn Thị Thu D về việc ông muốn mua 01 container mực xà với khối lượng 30 tấn thành phẩm từ 10up (tức là chiều dài của mực thành phẩm từ 10cm trở lên) với giá 24.500 đồng/kg, được bà D đồng ý. Thực hiện thỏa thuận trên, bà D yêu cầu ông đặt cọc để Công ty C1 làm hàng nên ông có chuyển khoản cho bà D số tiền 200.000.000

đồng vào ngày 15/9/2018 và thỏa thuận khi nào bà D làm xong 30 tấn mực thì hai bên giao nhận hàng, thanh toán hết số tiền còn lại. Ngày hôm sau, ông cho hai nhân viên là ông Nguyễn Văn T và ông Trần Văn Q vào Công ty C1 để theo dõi, kiểm tra tiến độ công việc nhưng vì Công ty C1 làm chậm tiến độ, ảnh hưởng đến thời gian giao hàng nên ông điện thoại thỏa thuận với bà D về việc ông sẽ mua hàng (mực) để Công ty C1 gia công, cấp đông thành phẩm cho kịp tiến độ với giá gia công 3.000 đồng/kg, được bà D đồng ý nên ông mua mực của bà Phạm Thị Thanh M ở Quảng Bình với số lượng mực sau khi kiểm đếm là 18.691,5kg, thành tiền 383.300.000 đồng; bà M đã giao hàng tại Công ty C1. Đến ngày nhận hàng, ông thuê xe từ Thanh Hóa vào thì bà D không đồng ý giao hàng cho ông vì cho rằng không có giao dịch gia công mực xà với ông.

[2.3] Xét lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Thu D cho rằng bà không biết ông Dương Minh C là ai; từ trước đến nay bà không giao dịch, mua bán thủy hải sản với ông Dương Minh C. Tuy nhiên, theo Biên bản ghi lời khai ngày 25/10/2018 tại Đội Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Q (bút lục 113, 114), bà D trình bày: ... *bà và ông Dương Minh C (SN 1964; HKTT: N - T - Thanh Hóa) không có mối quan hệ thân thích gì; bà chỉ biết ông Dương Minh C qua bà Ngô Thị Bích T1 (SN:1981; HKTT: M - Tiền Giang) giới thiệu...*

[2.3.2] Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 15/01/2019 (bút lục 89, 90), bà D trình bày: *Tháng 9/2018, Công ty C1 có nhận gia công, cấp đông số lượng mực xà 2.199 thùng x 8,5kg tương đương 18.691,5kg, cụ thể: Mực size 10-15 là 1.476 thùng x 8,5kg; mực size 15-20 là 461 thùng x 8,5kg; mực đỏ là 143 thùng x 8,5kg; mực size 6-8 là 119 thùng x 8,5kg; phí gia công 3.500 đồng/kg phù hợp với số lượng, khối lượng, quy cách loại mực mà ông C khởi kiện Công ty C1. Bà D không cho ông C nhận hàng vì cho rằng đây là số hàng của ông Yin Minh T2, bà Ngô Thị Bích T1 nhờ Công ty C1 gia công, nhưng do ông T2, bà T1 còn nợ tiền của Công ty C1 nên bà D không cho ông T2, bà T1 nhận hàng. Tuy nhiên, tại Bản tự khai (bút lục 101, 102, 110, 111) và Biên bản ghi lời khai (bút lục 93, 94, 99 - 104) ông Yin Minh T2, bà Ngô Thị Bích T1 đều khẳng định số hàng trên không phải của ông, bà mà của ông Dương Minh C; ông, bà chỉ là người làm thuê, dặt mối cho thương lái để hưởng hoa hồng là phù hợp với thừa nhận của bà D tại Biên bản ghi lời khai ngày 25/10/2018 (bút lục 113, 114) là *trước đây gia đình bà cru mang bà T1 ở tại Công ty từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018; bà T1 chuyên đi cò thu mua thủy, hải sản, dặt mối cho thương lái.* Do đó, việc bà D cho rằng do ông T2, bà T1 còn nợ Công ty C1 số tiền 960.497.000 đồng của 02 phiếu xuất kho ngày 14 và ngày 18/8/2018 là không phù hợp, mâu thuẫn với chính lời khai của bà D. Mặt khác, bà D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh như biên bản đối chiếu công nợ hoặc xác nhận nợ của ông T2, bà T1 còn nợ Công ty C1 số tiền nêu trên. Ngoài ra, bà D cũng xác định đến thời điểm hiện tại, Công ty C1 chưa khởi kiện ông T2, bà T1 tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu ông T2, bà T1 phải trả*

số tiền trên cho Công ty C1, nhưng vào ngày 22/8/2018, bà D lại chuyển khoản cho chị Yin Thị Yến N1 (con gái của ông T2, bà T1) số tiền 15.000.000 đồng, trong khi theo bà D thì ông T2, bà T1 đang nợ Công ty C1 960.497.000 đồng là số tiền lớn, là hoàn toàn mâu thuẫn, không phù hợp với thực tế và không có cơ sở tin cậy.

[2.3.3] Bà D cho rằng vào ngày 15/9/2018, ông C chuyển vào tài khoản 04001290500 tại S1 của bà số tiền 200.000.000 đồng là để mua 970 thùng mực thành phẩm size 10 x 15; bà D không thừa nhận việc ông C chuyển cho bà 200.000.000 đồng để đặt cọc mua mực thành phẩm. Tuy nhiên, theo Ủy nhiệm chi (bút lục 42) và S phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn (bút lục 42, 43), ông C chuyển cho bà D 200.000.000 đồng có nội dung *Em cong dac coc lam muc*. Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng. Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền....* Theo điều luật viện dẫn nêu trên được hiểu bên đặt cọc chỉ đưa trước một khoản tiền ít hơn nghĩa vụ phải thực hiện; trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tiền đặt cọc sẽ được trừ khi thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Bà D thừa nhận ông C có chuyển khoản cho bà 200.000.000 đồng vào ngày 15/9/2018, nhưng bà cho rằng ông C chuyển tiền để mua hàng chứ không phải đặt cọc và bà đã hoàn thành việc giao hàng cho ông C vào ngày 12/10/2018 đúng bằng số tiền ông C chuyển khoản, trong khi trước đó theo bà D giữa Công ty C1 với ông C chưa có quan hệ mua bán là mâu thuẫn, không phù hợp với thực tế. Do đó, tuy nội dung Ủy nhiệm chi ghi không có dấu, sai chính tả nhưng như nhận định trên thì lời trình bày của ông C về số tiền 200.000.000 đồng mà ông chuyển khoản cho bà D để đặt cọc mua mực thành phẩm là có cơ sở đáng tin cậy hơn.

[2.3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D thừa nhận mọi giao dịch của Công ty C1 với tất cả khách hàng trong tỉnh cũng như ngoài tỉnh khi đặt mua hàng thành phẩm hay nhờ gia công, cấp đông đều bằng lời nói (trực tiếp hoặc thông qua điện thoại) và bà D cũng thừa nhận Công ty C1 có nhận làm gia công, cấp đông số lượng 2.199 thùng mực xà vào ngày 18/9/2018 là phù hợp với số hàng về số lượng, khối lượng, quy cách loại mực mà ông C đang tranh chấp. Bà D cho rằng ông T2, bà T1 là người ký phiếu nhập kho nên số hàng trên là của ông T2, bà T1; do đó, không cho ông C nhận hàng trong khi bà D thừa nhận bà T1 chỉ chuyên đi cò thu mua thủy, hải sản, dặt mối cho thương lái; bà D cũng không cung cấp được biên bản đối chiếu công nợ hoặc xác nhận nợ của ông T2, bà T1 còn nợ Công ty C1 số tiền được thể hiện trong các phiếu nhập kho, trong khi đó ông T2, bà T1 xác định 2.199 thùng mực xà là của ông C. Do đó, có cơ sở xác định 2.199 thùng mực xà là của ông C. Trường hợp, bà D cho rằng ông T2, bà T1 có nợ Công ty C1 số tiền 960.497.000 đồng thì có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[2.3.5] Sau khi tạm ngừng phiên tòa vào ngày 20/9/2024, bà D có cung cấp một số phiếu nhận hàng thể hiện người nhận hàng là bà T1. Tại Biên bản làm việc ngày 01/11/2024, bà D cho rằng Phiếu xuất kho thể hiện ai là người nhận hàng thì đó là người mua hàng. Tuy nhiên, theo Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn đứng tên chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Thu D không thể hiện người có tên Yin Minh T2, Ngô Thị Bích T1 chuyển trả tiền mua hàng thì bà D giải thích rằng do bà T1 mua hàng của Công ty C1 để bán lại cho người khác để hưởng chênh lệch nên người mua hàng của bà T1 sẽ trực tiếp chuyển tiền cho Công ty C1; người mua hàng của bà T1 chỉ chuyển phần tiền chênh lệch cho bà T1 nhưng bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Mặt khác, như nhận định trên thì bà D thừa nhận bà T1 chỉ chuyên đi cò thu mua thủy, hải sản, dất mồi cho thương lái. Do đó, việc bà D cho rằng Phiếu nhập kho thể hiện bà T1 là người nhận hàng nên bà T1 là người mua hàng là mâu thuẫn, nên không được chấp nhận.

[2.3.6] Về giá trị lô hàng: Ông C xác định ông mua số mực tươi của bà Phạm Thị Thanh M ở Quảng Bình với giá 383.300.000 đồng được thể hiện ở Sổ ghi chép (bút lục 17), ông đã chuyển khoản số tiền trên (bút lục 09, 11, 14) cho ông Trần Việt T4 - chồng của bà M (bút lục 45), nên ông yêu cầu Công ty C1 hoàn trả số tiền trên cho ông. Ngày 16/11/2020, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo số 90/TB-TA (viết tắt là Thông báo số 90), (bút lục 87) yêu cầu Công ty C1 trình bày ý kiến, trong đó có nội dung ông C cho rằng giá trị lô hàng 18.690,5kg mực xà tương ứng số tiền 383.300.000 đồng. Theo Báo cáo trình bày đề ngày 23/11/2020, ông Trần Văn T3 xác định ông là quản lý, đại diện cho Công ty C1 có văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D thừa nhận thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm gửi Thông báo số 90, thì bà đang điều trị bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh nên bà giao quyền cho ông T3 xử lý mọi việc ở Công ty; ông T3 có thông báo cho bà biết nội dung Thông báo số 90; bà giao cho ông T3 đại diện Công ty C1 trả lời cho Tòa án, nhưng ông T3 không trình bày ý kiến đối với giá trị lô hàng mà ông C yêu cầu Công ty C1 hoàn trả 383.300.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D cho rằng bà không biết giá mực tươi tại thời điểm ngày 18/9/2018. Tuy nhiên, bà D thừa nhận ngày 12/10/2018 Công ty C1 có giao cho ông C 970 thùng size 10 x 15 với giá 24.000 đồng/kg, tương ứng số tiền 200.000.000 đồng. Ông C chỉ yêu cầu Công ty C1 hoàn trả cho ông giá trị 18.690,5kg mực tươi mà ông mua của bà M để giao cho Công ty C1 gia công, cấp đồng là 383.300.000 đồng, tương ứng 20.500 đồng/kg (làm tròn), (383.300.000 đồng : 18.690,5kg), cộng với phí gia công 3.500 đồng/kg (bà D thừa nhận tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 15/01/2019 - bút lục 89, 90) là hoàn toàn phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông C, buộc Công ty C1 phải trả cho ông C số tiền 383.300.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên. Công ty C1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của Công ty C1 là có cơ sở, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty C1.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, nên Công ty C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được

trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0002738 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Công ty C1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 328, 385, 386, 398, 542, 544, 545 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH C1; giữ nguyên bản án số 13/2024/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dương Minh C về việc yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH C1 phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền 610.745.000 đồng (*sáu trăm mười triệu, bảy trăm bốn mươi lăm ngàn*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dương Minh C. Buộc Công ty TNHH C1 phải trả cho ông Dương Minh C số tiền 383.300.000 đồng (*ba trăm tám mươi ba triệu, ba trăm ngàn*).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.165.000 đồng (*mười chín triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn*).

3.2. Hoàn trả lại cho ông Dương Minh C số tiền 20.910.675 đồng (*hai mươi triệu, chín trăm mười ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (do bà Hoàng Cảnh T6 nộp thay ông Dương Minh C) theo Biên lai số AA/2018/0000304 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0002738 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Công ty TNHH C1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (*hai triệu*). Ông Dương Minh C tự nguyện chịu; ông Dương Minh C đã tạm nộp và chi phí xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Thu Lan**